

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 453/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 06-2022

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Phước Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Trần Ngọc Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.**

-Ngày 02 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 468/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự;

**- Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1977; địa chỉ: số 269/26/20 Bà Hom, phường MB, Quận S, Thành Phố Hồ Chí Minh. (bà N có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1972, Địa chỉ cư trú: B9/13 Nguyễn Văn Long, ấp H, xã QĐ, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh. (ông T có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

-Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2020, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh N trình bày: Bà và ông Hoàng Đức T chung sống vợ chồng từ năm 2007, và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174, quyển số 01/2007, ngày 19 tháng 09 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời

gian đầu hạnh phúc và có 01 con chung tên Hoàng Thanh N, sinh ngày 13/9/2008 hiện đang sống với mẹ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn vợ chồng đã sống riêng và ly thân không ai còn quan tâm đến ai.

Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho ông được ly hôn để bà ổn định cuộc sống riêng lo làm nuôi con.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Thanh N, sinh ngày 13/9/2008 hiện đang sống với mẹ, Nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con

Về cấp dưỡng nuôi con; Bà yêu cầu tự giải quyết

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- **Bị đơn ông Hoàng Đức T trình bày:** ông cũng xác nhận phần trình bày của ông T về thời gian chung sống vợ chồng và việc đăng ký kết hôn cũng như việc vợ chồng có hai con chung là đúng sự thật, bản thân bà không muốn ly hôn, trong thời gian vừa qua vợ chồng có mâu thuẫn. Về tình cảm bà cũng xác nhận không còn tình với ông T là đúng, nhưng bà không muốn ly hôn và không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T cho ông được đoàn tụ.

**\*Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và khẳng định không thể chung sống vợ chồng với ông Hoàng Đức T; về con chung bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con; Về cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung hai bên thống nhất không yêu cầu giải quyết ; Về nợ chung hai bên xác nhận không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1]. Về thẩm quyền giải quyết:**

- Xét nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà ông Hoàng Đức T .Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Hoàng Đức T hiện đang cư trú tại: B9/13 Nguyễn Văn Long, ấp H, xã QĐ, huyện B,Thành Phố Hồ Chí Minh. nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **[2]. Về thủ tục tố tụng:**

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Thanh N được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và

ông T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174, quyền số 01/2007, ngày 19 tháng 09 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

### **[3]. Về nội dung tranh chấp:**

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Đoàn Thị Thanh N về việc ly hôn với ông Hoàng Đức T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

#### **2. Về nội dung tranh chấp:**

Xét đối với yêu cầu của bà Đoàn Thị Thanh N về việc ly hôn với ông Hoàng Đức T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và phần trình bày, xác nhận của bà N trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống vợ chồng bà N ông T đã thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là không hợp nhau về tính tính và quan điểm sống, như vậy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mặc khác cả hai cũng thừa nhận vợ chồng hiện đã ly thân một thời gian do đó không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi người là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn này.

- Xét yêu cầu của ông Hoàng Đức T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết tại địa phương nơi tạm trú là Ủy ban nhân dân xã QĐ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời ông T cũng nhận trực tiếp văn bản triệu tập và thông báo hòa giải, xét xử của Tòa án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn không đến Tòa án làm việc, không có thiện chí hòa giải xin hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn mặt không lý do nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp.

- Xét về con chung Có 01 con chung tên Hoàng Thanh N, sinh ngày 13/9/2008 hiện đang sống với mẹ, Nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con; Bà N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: hai bên xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đoàn Thị Thanh N phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0049803, ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu,

#### **Tuyên xử :**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Thanh N được ly hôn với ông Hoàng Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 174, quyển số 01/2007, ngày 19 tháng 09 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung Hoàng Thanh N, sinh ngày 13/9/2008 hiện đang sống với bà N. Giao trẻ N cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: bà Đoàn Thị Thanh N phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0049803, ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về quyền kháng cáo: Đoàn Thị Thanh N và Hoàng Đức T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi Nhận:**

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. B;
- CCTHA DS H. B;
- UBND xã BC, huyện B, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**Lại Phước Trường**